

Một số phương pháp cải thiện kỹ năng đọc tiếng Anh cho học sinh

Triệu Phương Thảo*

*Học viện An ninh nhân dân

Received: 16/04/2024; Accepted: 26/04/2024; Published: 15/5/2024

Abstract: Reading skills is one of English learning skills. Reading skill is of significant important, thus there are various strategies for learners to enhance their reading skill. Meanwhile, teachers can also improve some teaching strategies to help their learners to foster their English reading ability.

Keywords: Reading skill, strategies, improve

1. Đặt vấn đề

Yêu cầu giáo viên thay đổi hoàn toàn cách tiếp cận của họ đối với việc dạy kỹ năng đọc hoặc là thay đổi mục tiêu chung của chương trình học kỹ năng đọc là bất khả thi. Tuy nhiên, giáo viên có thể áp dụng một số thay đổi nhỏ trong phương pháp giảng dạy của mình để có thể giúp học sinh nâng cao khả năng đọc của các em. Bài viết này đề xuất một số phương pháp hướng dẫn thực hành trong lớp học mà giáo viên có thể lựa chọn để điều chỉnh và đưa vào các tiết giảng dạy của mình để giúp học sinh cải thiện kỹ năng đọc. Những phương pháp này phù hợp với nhiều chương trình học kỹ năng đọc. Những phương pháp này được đề xuất thực hiện trong thời gian không quá mười phút (mặc dù mỗi phương pháp đều có thể mở rộng hơn nếu giáo viên muốn). Cho dù những gợi ý này không đòi hỏi nhiều thời gian nhưng nếu được thực hiện thường xuyên, chúng có thể tạo ra sự tiến triển lớn về trình độ kỹ năng đọc của học sinh, thái độ của học sinh đối với việc đọc và động lực giúp các em trở nên cố gắng hơn trong kỹ năng đọc.

2. Các phương pháp nâng cao kỹ năng đọc

2.1. Nâng cao tiếp xúc với các ấn phẩm đọc

Thực tế, học sinh học đọc thông qua đọc, nên cách để giúp các em cải thiện kỹ năng đọc lý tưởng nhất đó là yêu cầu học sinh đọc nhiều hơn. Nhưng không phải môi trường nào cũng có thể tạo điều kiện tốt cho việc đó. Tuy nhiên, giáo viên có thể thực hiện việc này thông qua một số bước nhỏ, mất không nhiều thời gian để tạo môi trường đọc tích cực cho học sinh. Mục tiêu là bao bọc học sinh trong tài liệu đọc, giúp các em có thể đọc mọi lúc, mọi nơi bằng các loại văn bản mà các em có thể sẽ bị thu hút hoặc có động lực đọc hơn.

Trưng bày các bài đọc yêu thích bất cứ khi nào có thể (ví dụ: trong lớp học, hành lang trường học, thư

viện trường học). Đăng các tác phẩm thú vị do học sinh viết, ngoài bìa sách từ thư viện, lời bài hát, bản sao của các trang Internet có khả năng thu hút sự chú ý của học sinh, áp phích thông tin về các chủ đề quan tâm, các bài báo và tạp chí, truyện tranh và đánh giá phim. Việc trưng bày các dự án lớp đã hoàn thành dưới dạng báo tường, áp phích, slide, báo cáo, tài liệu quảng cáo và bài luận bằng ảnh cũng có thể tạo động lực cho các học sinh khác đọc.

Cung cấp các tài liệu in ấn phù hợp với lứa tuổi để học sinh xem. Có thể nhờ đồng nghiệp ở trường, bạn bè, văn phòng du lịch địa phương và gia đình của học sinh đang theo học (nếu có thể) thu thập các loại tài liệu tiếng Anh (ví dụ: báo, tạp chí, sách). Những loại văn bản này nên được chuẩn bị sẵn sàng để tạo động lực đọc cho học sinh.

2.2. Xây dựng động cơ đọc cho học sinh

Trong bối cảnh lớp học hiện nay, không có gì lạ khi học sinh được giao những đoạn văn quá khó, không thú vị hoặc cả hai. Những trải nghiệm đọc như vậy có thể gây khó chịu và đôi khi làm mất đi động lực của học sinh. Niềm hứng thú đọc sách của học sinh đôi khi cũng bị ảnh hưởng nếu các em quá quan tâm đến điểm số hoặc sự cạnh tranh trong học tập. Với những học sinh đó, lý do để đọc gần như trở thành một loại nghĩa vụ - một loại động lực đến từ bên ngoài chứ không phải bên trong, không có khả năng thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn với văn bản (Deci and Ryan 1985) [1]. Động lực là điều cần thiết khi cần thúc đẩy một việc gì đó. Một số phương pháp sau đây có thể sử dụng để khuyến khích những học sinh không có xu hướng tự đọc hoặc chỉ đọc khi được yêu cầu sẽ tham gia vào quá trình đọc nhiều hơn.

Cố gắng làm cho những đoạn đọc trở nên thú vị. Trong lớp học đọc, học sinh sẽ đọc những đoạn văn mà các em quan tâm. Khi các văn bản bắt buộc vốn

không gây hứng thú cho học sinh, giáo viên nên cố gắng kết nối bài đọc với cuộc sống, trải nghiệm, cộng đồng, mục tiêu trước mắt, kế hoạch tương lai hoặc với các văn bản đã đọc trước đó của học sinh. Những kết nối như vậy được nên được lên kế hoạch trước khi đến lớp, việc tạo ra những mối liên kết này trong một bài đọc không đòi hỏi nhiều thời gian. Khi một chủ đề xa lạ với học sinh, việc phát những hình ảnh hoặc tài liệu nghe nhìn liên quan đến chủ đề đó có thể kích thích sự hứng thú của học sinh. Ngày nay, Internet cho phép chúng ta truy cập các đoạn video và âm thanh về nhiều chủ đề khác nhau. Nếu giáo viên có thể tìm trước những tài liệu đó thì việc trình chiếu chúng trong lớp có thể chỉ mất vài phút.

Cho học sinh một số mức độ lựa chọn. Tạo cơ hội cho học sinh lựa chọn một số bài đọc của riêng mình để đọc trong lớp hoặc ngoài lớp. Học sinh có thể được lựa chọn trong số đoạn văn trong sách giáo khoa, trong thư viện hoặc trên Internet. Một cách nữa là cho phép học sinh chọn một số câu hỏi sau khi đọc mà các em muốn trả lời. Khi học sinh có một mức độ lựa chọn nào đó, thậm chí là tối thiểu, đó sẽ là động lực tuyệt vời.

Thúc đẩy sự hợp tác giữa các học sinh. Tạo cơ hội cho học sinh làm việc cùng nhau mà không bị áp lực cạnh tranh lẫn nhau. Hầu hết mọi thứ liên quan đến việc đọc đều có thể được thực hiện theo cặp hoặc nhóm nhỏ trong vài phút, bao gồm câu trả lời cho các câu hỏi đọc hiểu, phản hồi về bài đọc ngay tại lớp và suy ngẫm về các bài đọc đã hoàn thành ở nhà.

Thay vì đặt câu hỏi về một bài đọc cho cả lớp và yêu cầu học sinh trả lời nhanh nhất (thường sẽ là các học sinh khá hơn), hãy cho tất cả lớp một chút thời gian để viết ra câu trả lời. Bằng cách này, giáo viên có thể tạo cho những học sinh thường không lên tiếng cơ hội chia sẻ câu trả lời của mình với bạn, nhóm hoặc cả lớp.

Khi bắt đầu lớp học, cho học sinh vài phút để xem lại bài đọc đã được giao làm bài tập về nhà. Sau đó yêu cầu học sinh quyết định xem câu hỏi đọc hiểu nào là dễ trả lời nhất. Yêu cầu các cặp hoặc nhóm học sinh so sánh câu trả lời cho các câu hỏi được cho dễ nhất. Yêu cầu học sinh giải thích tại sao lại cho rằng các câu hỏi đó dễ. Sau đó tiếp tục với các hoạt động sau khi đọc khác.

Đạy thay vì kiểm tra. Thay vì chỉ xác nhận câu trả lời đúng cho các câu hỏi sau khi đọc, hãy yêu cầu học sinh quay lại văn bản để gạch chân hoặc khoanh tròn từ, cụm từ, câu hoặc đoạn đưa ra câu trả lời.

Đảm bảo rằng học sinh có cơ hội đọc những văn bản dễ hiểu đối với các em. Điều này có thể được

thực hiện bằng cách yêu cầu học sinh đọc lại những đoạn văn đã quen thuộc với mục đích mới hoặc bằng cách giao những bài đọc ở trình độ thấp hơn một chút so với khả năng đọc hiện tại của các em.

2.3. Chú ý đọc trôi chảy

Nhiều người cho rằng việc đọc trôi chảy ở cấp độ từ, cụm từ và đoạn văn là điều cần thiết để đọc hiệu quả. Tuy nhiên, những người đọc thông thạo đọc với tốc độ khác nhau, tùy thuộc vào mục đích đọc của họ: đọc để hiểu ý chính (đọc lướt), đọc để hiểu tổng quát, đọc để tìm hiểu, v.v. Bất chấp sự khác biệt này vốn có trong việc đọc trôi chảy, có thể khẳng định rằng hầu hết người đọc trong lớp học tiếng Anh đọc khá chậm để đạt được mục đích của họ. Vì vậy, việc dành một chút thời gian trên lớp để phát triển khả năng đọc trôi chảy là điều cần thiết.

Một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ đồng ý rằng khả năng đọc trôi chảy được phát triển hầu hết bởi học sinh đọc nhiều. Tuy nhiên, các phương pháp tiếp cận lớp học khác có thể góp phần phát triển khả năng đọc trôi chảy. Trong hầu hết mọi bối cảnh giảng dạy, giáo viên có thể sử dụng một văn bản đã được đề cập trong các bài học trước làm bàn đạp cho các hoạt động đọc trôi chảy ngắn. Sử dụng một văn bản đã có sẵn cho phép học sinh tập trung đọc nhanh hơn thay vì phải tập trung vào ý nghĩa và những từ không quen thuộc. Giáo viên có thể thu hút học sinh thực hành trôi chảy bằng các hoạt động tập trung vào các văn bản quen thuộc:

Đọc miệng lặp đi lặp lại: Yêu cầu học sinh đọc to một đoạn văn ngắn (nhưng nhẹ nhàng) 2–4 lần trong một khoảng thời gian nhất định

Đọc lại theo cặp bằng miệng: Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp để đọc to một văn bản. Trong hoạt động này, Học sinh A đọc to đoạn văn trong một khoảng thời gian nhất định (ví dụ: 30–60 giây) càng nhanh và chính xác càng tốt với cách ngắt quãng và ngữ điệu phù hợp. Trong khi học sinh A đọc to, học sinh B đọc theo và hỗ trợ học sinh A nếu cần thiết. Khi hết thời gian quy định, học sinh A đánh dấu điểm kết thúc phần đọc to của mình. Sau đó học sinh A và B đổi vai cho nhau. Học sinh B đọc đoạn văn giống hệt như học sinh A, bắt đầu từ đầu. Sau cùng khoảng thời gian được chỉ định, học sinh B đánh dấu điểm kết thúc bài đọc của mình. Sau đó, học sinh lặp lại quy trình cho vòng thứ hai, đọc lại chính xác văn bản đó từ đầu. Mục tiêu của hoạt động đọc này là tiến xa hơn trong văn bản ở vòng thứ hai. Sau đó, số từ đạt được trong lần đọc thứ hai sẽ được ghi lại.

Đọc thầm lặp đi lặp lại với mục đích mới: Trước khi chuyển sang chương mới, yêu cầu học sinh đọc

lại một đoạn văn với mục đích mới (ví dụ: để chuẩn bị tóm tắt; điền vào sơ đồ; xác định lập trường của tác giả; kết nối thông tin đã gặp trước đây từ một bài giảng ngắn của giáo viên, một chuyến đi thực tế hoặc một trang Internet).

Đọc tiếng vọng: Ghép nối đầu đọc mạnh hơn với đầu đọc yếu hơn. Yêu cầu người đọc tốt hơn bắt đầu bằng cách đọc to 1–2 câu của một đoạn văn dài hơn, sau đó người đọc yếu hơn đọc to cùng một đoạn văn bản. Học sinh tiếp tục theo kiểu này trong 4–6 phút.

Đọc cùng bạn: Ghép những học sinh có khả năng đọc tương tự nhau. Yêu cầu các em thay phiên nhau, mỗi người một phút, đọc to một văn bản dài hơn nhưng dễ hơn.

Giáo viên đọc to: Đọc to một đoạn văn cho học sinh với tốc độ đều đặn, trong khi học sinh đọc thầm theo. Hoặc có thể thực hiện với các đĩa CD đi kèm với một số sách giáo khoa hiện nay.

Đọc qua radio: Sau khi thực hành đầy đủ, yêu cầu học sinh đọc lại một đoạn văn lớn với âm thanh giống như một phát thanh viên chuyên nghiệp nhất có thể. Việc đọc qua radio có tác dụng tốt với các văn bản thực tế và với những học sinh ở trình độ cao hơn.

Đọc một phút (Iwano 2004) [2]: Yêu cầu học sinh đọc lại một văn bản đúng một phút, mỗi tuần một lần. Dừng học sinh sau 60 giây và yêu cầu họ đánh dấu từ cuối cùng đã đọc và đếm xem họ đã đọc được bao nhiêu từ. Yêu cầu học sinh ghi lại các bài đọc trong một phút hàng tuần của mình để lập biểu đồ về sự tiến bộ của các em theo thời gian.

2.4. Xây dựng vốn từ vựng

Có thể dự đoán rằng học sinh sẽ nói rằng các em cần nhiều từ vựng hơn để đọc tốt. Cam kết xây dựng vốn từ vựng luôn được học sinh đánh giá cao và có thể góp phần phát triển khả năng đọc của học sinh. Khi học sinh xây dựng kiến thức từ vựng, họ sẽ được tiếp cận với những văn bản nâng cao hơn. Mặc dù nhiều giáo trình có bài tập trước và sau khi đọc nhằm nhấn mạnh các từ khóa trong văn bản, giáo viên có thể dành ra 10 phút hoặc ít hơn mỗi tuần và sử dụng các kỹ thuật sau để hỗ trợ học sinh củng cố việc học từ vựng đó.

Khuyến khích học sinh sưu tầm từ ngữ. Sau khi đọc một văn bản, yêu cầu học sinh khoanh tròn năm từ mà các em muốn học và tự đặt ra. Theo nhóm, học sinh có thể chia sẻ lựa chọn từ ngữ và lý do chọn từ đó. Học sinh có thể ghi lại những từ đó vào sổ ghi chép của mình. Ở nhà, học sinh có thể viết định nghĩa và đặt câu ví dụ. Có thể tổ chức một hoạt động mở rộng như yêu cầu các em học sinh giới thiệu năm từ vựng mà các em chọn cho các bạn cùng nhóm. Ngoài

ra, học sinh có thể tạo các thẻ ghi nhớ bao gồm từ, loại từ, định nghĩa, câu gốc và câu do học sinh đặt ra. Học sinh có thể học và thực hành theo cặp các từ bằng cách sử dụng thẻ flashcard để bắt đầu trao đổi.

Yêu cầu học sinh phân loại từ. Chọn một văn bản có nhiều từ vựng hữu ích và chọn 15–20 từ để học sinh làm. Yêu cầu học sinh sắp xếp các từ thành 2–4 loại do giáo viên cung cấp, chẳng hạn như (1) tính từ, trạng từ, danh từ và động từ; (2) những từ tích cực, những từ tiêu cực và những từ trung tính; và (3) từ liên quan đến y tế, công nghệ hoặc giải pháp. Khuyến khích học sinh nhìn lại văn bản để quyết định những từ nào thuộc về loại nào.

Hướng dẫn học sinh phân tích từ vựng. Chọn các từ trong văn bản của học sinh có tiền tố, gốc, hậu tố tương tự và hướng dẫn học sinh phân tích các từ đó. Khi gặp những từ có cùng tiền tố, gốc hoặc hậu tố trong các bài đọc sau, hãy yêu cầu học sinh thêm chúng vào danh sách và thảo luận về ý nghĩa của chúng.

Khuyến khích học sinh sử dụng những từ mới học. Viết ba từ mới học được lên bảng. Yêu cầu học sinh chọn một từ và viết trong một phút, sử dụng từ đó ít nhất một lần.

3. Kết luận

Giáo viên tiếng Anh ở hầu hết các lớp học trên khắp thế giới không có quyền tự do thay đổi chương trình giảng dạy ở trường nhưng tôi tin tưởng rằng mỗi giáo viên có ít nhất 10 phút mỗi tuần để họ có thể sử dụng nhằm cải thiện khả năng đọc của học sinh. Những phương pháp trên đây không yêu cầu quá nhiều thời gian để thực hiện, và tôi tin rằng giáo viên chỉ cần chọn một phương pháp bất kỳ và thử nghiệm áp dụng tại lớp học của mình trong một khoảng thời gian, khả năng đọc của học sinh có thể được cải thiện đáng kể.

Tài liệu tham khảo

- [1] Deci, E. L., and R. M. Ryan. 1985. *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum.
- [2] Iwano, M. T. 2004. One-minute reading. In *Extensive reading activities for teaching language*, ed. J. Bamford and R. R. Day, 86–87. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Grabe, W., and F. L. Stoller. 2011. *Teaching and researching reading*. 2nd ed. New York: Longman.
- [4] Jiang, X., and W. Grabe. 2009. Building reading abilities with graphic organizers. In *Explorations in second language reading*, ed. R. Cohen, 25–42. Alexandria, VA: TESOL.